

**Bản án số: 06/2025/HS-PT
Ngày: 14-01-2025**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Ngọc Hồng

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thế Mạnh

Ông Nguyễn Thành Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 190/2024/TLPT-HS ngày 13 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo Trần Thị Thu Thom do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 210/2024/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Thu T1, sinh ngày 01/01/1984 tại K; Nơi đăng ký thường trú và cư trú: Số 1040, đường N, phường A, thành phố R, tỉnh K; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S và bà Phan Thị H; anh, chị em ruột có 07 người, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1983; chồng Nguyễn Thanh Tuấn, sinh năm 1977 (đã ly hôn); có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2003. tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thu T1: Luật sư **Trương Hồng S - Công ty luật TNHH MTV Việt Xuyên Á.**

Người đại diện của bị cáo Trần Thị Thu T1: Bà Trần Thị Thu M, sinh năm 1975.

Cư trú: Số 1040, đường N, phường A, thành phố R, tỉnh K.

Bị hại: Ông **Trương Thành C**, sinh năm 1982.

ĐKTT: Số 30/8A, đường T, phường A, thành phố R, tỉnh K.

Cư trú: Số 25/68/3 đường L, phường A, thành phố R, tỉnh K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Trương Thành C: Luật sư Dương Minh B - Văn phòng Luật sư Phạm Anh V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Thu T1, Trương Thành C, Trần Thị Thu M, vợ chồng bà Thái Ngọc T2, ông Huỳnh Thanh L là những người mua bán thức ăn trên vỉa hè trước Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang, số 1022 đường N, phường A, thành phố R, tỉnh K (phía bên phải cổng trường, hướng từ đường N nhìn vào). Vào khoảng 06 giờ, ngày 25 tháng 6 năm 2022, tại địa điểm trên giữa vợ chồng bà T2, ông L xảy ra mâu thuẫn cự cãi với bà M và T1 do bà T2 cho rằng T1 và bà M trong lúc đẩy xe bán bánh mì làm rách cây dù của bà T2. Khi đó, chồng bà T2 là ông Huỳnh Thanh L điều khiển xe mô tô đi đến nhà anh của T1 là ông Trần Văn T3 (còn gọi là Sơn), cách đó khoảng 100 mét để nhờ ông T3 giải quyết mâu thuẫn. Ông L đi được một đoạn thì gặp ông T3 biết được sự việc đang đi bộ đến nên cả hai cùng đi đến chỗ T1 và bà M (ông T3 đi bộ, còn ông L đi xe mô tô). Khi ông T3 đến nơi là vào khoảng 06 giờ 11 phút cùng ngày. Trong lúc ông T3 đi ngang chỗ Trương Thành C đang ngồi nướng thịt trên vỉa hè, trước trạm xe buýt (mặt hướng ra đường N), gần chỗ T1 và bà M đang cự cãi thì C ngược mặt nhìn ông T3, ông T3 có lời lẽ không chuẩn mực “Đụ mẹ nhìn cái gì” với C rồi tiếp tục dùng tay đánh vào phía sau đầu C, C liền đứng lên, tay phải cầm cây gắp thịt bằng kim loại, màu trắng, phần đầu được thiết kế kiểu răng cưa, có cạnh tù đâm liên tục nhiều nhát trúng vào vùng đầu, tay trái và dưới mắt phải của ông T3 gây thương tích. Thấy anh mình bị đánh, T1 đứng gần đó liền xông đến, tay trái cầm dao Thái lan cán vàng (thường ngày Thơm sử dụng để gọt dưa leo, thái thịt bán bánh mì) đâm C nhiều nhát trúng vào tay trái, tay phải và vùng ngực phải gây thương tích thì được ông L và những người khác can ngăn nên tất cả ngừng đánh nhau. Sau khi sự việc xảy ra, C được người thân đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang cấp cứu, điều trị thương tích đến ngày 01/7/2022 thì xuất viện, riêng ông Thành tự điều trị thương tích tại nhà.

Ngày 26/6/2022, Trương Thành C có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự; ngày 27/6/2022, ông Trần Văn T3 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc trên.

Từ ngày 05/9/2022, đến ngày 25/10/2022, Trần Thị Thu T1 và Trương Thành C lần lượt bị khởi tố, cấm đi khỏi nơi cư trú để phục vụ điều tra.

Ngày 25 tháng 12 năm 2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R ban hành Bản kết luận điều tra số 254 đề nghị truy tố Trần Thị Thu T1 về tội Cố ý gây thương tích quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự; Trương Thành C về tội Cố ý gây thương tích, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Ngày 06/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R ban hành Cáo trạng số 46, truy tố Trần Thị Thu T1 về tội Cố ý gây thương tích quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự; Trương Thành C về tội Cố ý gây thương tích, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố R để đưa ra xét xử. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, qua nghiên cứu các tài liệu liên quan đến bệnh lý tâm thần của T1, xét thấy cần thiết phải trung cầu giám định tình trạng tâm thần của T1. Ngày 16/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R ban hành văn bản số 65 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố R ra Quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố R để điều tra bổ sung. Ngày 17/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố R ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ theo yêu cầu của Viện kiểm sát. Ngày 29/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R ban hành Quyết định số 13, trả hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R để tiến hành trung cầu giám định tình trạng tâm thần của T1. Kết quả giám định thể hiện hiện tại T1 không có năng lực trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào kết quả giám định, ngày 10/7/2023, Cơ quan điều tra đã ban hành Quyết định tách vụ án hình sự số 08, tách hành vi của Trần Thị Thu T1 thành một vụ án độc lập đồng thời ban hành Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án số 03, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 16 đối với T1 và có đề nghị số 729 đề nghị Viện kiểm sát nhân dân thành phố R áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với T1. Căn cứ Điều 449 Bộ luật tố tụng hình sự ngày 13/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R ban hành Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 03 đối với T1. Ngày 10/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R ban hành Bản kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự số 10 đề nghị truy tố đối với Trương Thành C về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Đồ vật, tài liệu thu giữ được:

- 02 (hai) đoạn dữ liệu được trích xuất từ Camera an ninh tại hiện trường vụ án được chứa trong một đĩa DVD, đã đưa vào hồ sơ vụ án.

- 01 (một) cây dao Thái Lan, có cán bằng nhựa màu vàng, dài 10,5cm, lưỡi bằng kim loại, dài 11,2cm, màu trắng, sắc, nhọn.

- 01 (một) cây gập làm bằng kim loại, màu trắng, hình chữ U (loại cây gập nước đá), có tổng chiều dài 47,8cm.

- 01 (một) cây gập làm bằng kim loại, màu trắng, hình chữ U (loại cây gập nước đá), có tổng chiều dài 58,7cm.

* Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 472/TgT ngày 08/08/2022, của Trung tâm pháp y Kiên Giang, kết luận về thương tích đối với Trương Thành Công như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo phần mềm vùng ngực phải (02 vết) và cẳng tay trái đã được điều trị.

Vết thương khuỷu phải gây đứt thần kinh trụ, khớp khuỷu đã được phẫu thuật khâu nối thần kinh, bao khớp. Hiện tại, còn tổn thương hoàn toàn dây thần kinh trụ bên phải và hạn chế chức năng vận động khớp khuỷu và ngón IV, V tay phải.

- Vết thương cánh tay trái gây đứt tĩnh mạch cánh tay, thần kinh bì cẳng tay trong, cơ nhị đầu đã được khâu nối thần kinh, mạch máu, gân cơ nhị đầu. Hiện tại, còn tổn thương hoàn toàn thần kinh bì cẳng tay trong bên trái và hạn chế chức năng vận động khớp khuỷu trái.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại, ở:

- Vùng ngực phải (2 vết) là 3,96% (ba phẩy chín mươi sáu phần trăm); mỗi vết 02% (hai phần trăm).

- Vùng khuỷu phải là: 49,37% (bốn mươi chín phẩy ba mươi bảy phần trăm).

- Vùng cánh tay trái là: 29,18% (hai mươi chín phẩy mười tám phần trăm).

- Vùng cẳng tay trái là: 02% (hai phần trăm).

3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên hiện tại là: 66% (sáu mươi sáu phần trăm).

4. Vật gây thương tích: Vật sắc. Vật chứng cây dao (loại dao Thái Lan) gửi giám định gây ra được các thương tích trên.

* Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm sau thời gian điều trị bắt buộc số 990/KLBB-VPPYTW ngày 27/12/2023, của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hoà, kết luận đối với Trần Thị Thu T1, như sau:

- Bị bệnh: Rối loạn phân ly hỗn hợp (F44.7 - ICD.10).
- Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa. Đang sự có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trương Thành C yêu cầu bị cáo Trần Thị Thu T1 bồi thường số tiền 174.662.646 đồng, gồm các khoản tiền sau:

- Chi phí điều trị thương tích: 21.662.646 đồng;
- Thu nhập bị mất: 187 ngày x 500.000 đồng = 93.500.000 đồng;
- Tổn thất tinh thần: 56.000.000 đồng;
- Tiền công người chăm sóc bị hại: 500.000 đồng x 07 ngày = 3.500.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của giám định pháp y về thương tích nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 210/2024/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh K đã quyết định:

Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm s, e khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thu T1 mức án 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 17/9/2024, bị cáo Trần Thị Thu T1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17/9/2024, bị hại ông Trương Thành C có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bản án sơ thẩm, điều tra khởi tố đối với Trần Văn T3 và Trần Thị Thu M; tăng hình phạt đối với bị cáo T1; chấp nhận toàn bộ các khoản chi phí hợp lý theo yêu cầu của ông đối với phần trách nhiệm dân sự.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo thừa nhận cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng tội và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại ông Trương Thành C xin rút nội dung kháng cáo kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Thu T1; yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do bỏ lọt tội phạm đối với Trần Thị Thu M và Trần Văn T3.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Xử phạt mức án 05 (năm) năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở để xem xét. Đối với kháng cáo của bị hại yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do bỏ lọt tội phạm đối với Trần Thị Thu M và Trần Văn T3 là không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; không chấp nhận kháng cáo của bị hại; y bản án sơ thẩm về hình phạt và trách nhiệm dân sự. Sửa phần án phí giá ngạch đối với bị cáo và bị hại cho phù hợp.

- Quan điểm của luật sư Trương Hồng S bào chữa cho bị cáo: Yêu cầu xem xét lại phần trách nhiệm dân sự; thu thập bình quân lao động bình thường trên địa bàn là 350.000 đồng/ngày; tuy nhiên Viện kiểm sát đề nghị 500.000 đồng/ngày; mức lương cơ sở khi xảy ra vụ án năm 2022, là 1,8 triệu đồng hiện nay mức lương cao hơn; xem xét lại phần bồi thường tổn thất tinh thần.

- Quan điểm của luật sư Dương Minh B bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại cho rằng: Khi thấy xảy ra sự việc thì bà M cũng vào tham gia nhưng không có cầm hung khí gì. Kết luận điều tra thì bà M có tham gia đánh bị hại, cùng mục đích tiếp cho ông T3. Trong Cáo trạng không thể hiện nội dung này; ngày 13/9/2022, bị cáo T1 khai khi xảy ra sự việc chỉ có bị cáo cầm dao; còn ông T3, bà M không có cầm hung khí. Như vậy có thể hiện đánh nhau hay không? Lời khai của người làm chứng ông L khai ông T3, bà M có tham gia đánh bị hại C; theo khoản 1 Điều 17 Bộ luật hình sự quy định về đồng phạm. Bị cáo T1 chưa thật sự thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại C, hủy án sơ thẩm để điều tra làm rõ hành vi của ông T3, bà M. Yêu cầu xem xét lại phần tính án phí dân sự giá ngạch của bị hại C cho phù hợp pháp luật.

Lời nói cuối cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Trương Thành C tức giận việc Trần Văn T3 có lời lẽ xúc phạm và dùng tay đánh vào vùng đầu nên C đã dùng cây gậy làm bằng kim loại phần đầu có hình răng cưa thường dùng để nướng thịt đâm liên tiếp nhiều nhát vào người ông T3 gây thương tích. Khi thấy ông T3 bị đánh, Trần Thị Thu T1 là em ông T3 đang bán bánh mì ở gần đó liền xông đến dùng dao Thái Lan cán vàng đâm nhiều nhát vào bị hại Trương Thành C. Hậu quả làm cho bị hại C bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 66%. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo đủ khả năng nhận thức được tính mạng, sức khỏe của người khác là bất khả xâm phạm, bất kỳ ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm minh. Do bức tức việc ông T3 bị ông C đánh nên bị cáo T1 dùng dao Thái Lan cán vàng đâm nhiều nhát vào bị hại, gây thương tích. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, đồng thời còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đúng tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo xử phạt bị cáo 05 năm tù là phù hợp và tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu huỷ án sơ thẩm do bỏ lọt tội phạm của bà M, ông T3, Hội đồng xét xử xét thấy, đối với ông Trần Văn T3 có lời lẽ thô tục và dùng tay đánh ông C, từ đó ông C dùng cây gậy làm bằng kim loại phần đầu có răng cưa đâm gây thương tích ông T3, bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 6%. Cơ quan tiến hành tố tụng thành phố R tách vụ án này xét xử đối với Trương Thành C về tội “cố ý gây thương tích”, bị hại là ông T3 và bản của Tòa án nhân dân thành phố R, không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật.

Đối với hành vi của bà Trần Thị Thu M, theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì khi bị cáo T1 dùng dao thái lan đâm gây thương tích cho bị hại C; theo lời khai của người làm chứng ông Huỳnh Thanh L thì thấy bà M có tham gia đánh C; còn bà M cho rằng mục đích của bà chạy lại là can ngăn mọi người ra chứ không có đánh ông C; bị hại C khai ông bị bà M và ông T3 đánh, sự việc diễn ra rất nhanh khoảng 20 giây. Theo Điều 17 Bộ luật hình sự quy định về đồng phạm thì có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm. Hội đồng xét xử xét thấy, khi bị cáo T1 dùng dao gây thương tích cho bị hại C diễn biến rất nhanh, chỉ thời gian ngắn; sau đó thì bà M mới chạy đến. Như vậy, về ý thức chủ quan không chứng cứ chứng minh bà M chạy đến cùng thống nhất ý chí với bị cáo T1 dùng dao gây thương tích cho bị hại C. Do đó, việc bị hại C kháng cáo yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm với lý do bỏ lọt tội phạm đối với ông T3, bà M là không có cơ sở.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị áp dụng điểm khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; không chấp nhận kháng cáo của bị hại đề nghị huỷ bản án sơ thẩm; giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Viện kiểm sát đề nghị sửa án sơ thẩm về án phí giá ngạch cho bị cáo và bị hại là có cơ sở chấp nhận

[6] Về quan điểm của luật sư Trương Hồng S bào chữa cho bị cáo yêu cầu xem xét lại phần trách nhiệm dân sự. Tuy nhiên, bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, không có kháng cáo về phần bồi thường. Do đó, yêu cầu này của luật sư Sơn là không có cơ sở.

[7] Về quan điểm của luật sư Luật sư Dương Minh B bảo vệ quyền lợi cho bị hại C là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị hại C yêu cầu bị cáo T1 bồi thường về sức khỏe, theo quy định điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, trường hợp này bị hại được miễn nộp án phí; cấp sơ thẩm buộc bị hại C chịu án phí giá ngạch 3.986.000 đồng, đối với yêu cầu bồi thường không được chấp nhận là không đúng. Đối với bị cáo Thơm đã tự nguyện nộp 22.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại trước khi xét xử nhưng cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu án phí giá ngạch của số tiền này cũng không đúng, Hội đồng xét xử sửa lại phần án phí cho phù hợp, cụ thể bị cáo T1 chịu án phí dân sự giá ngạch: $74.942.646 \text{ đồng} \times 5\% = 3.747.000 \text{ đồng}$.

Án sơ thẩm bị sửa về án phí, nên bị cáo T1 và bị hại C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thu T1; không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trương Thành C;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 210/2024/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh K về hình phạt và trách nhiệm dân sự.

2. Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm s, e khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thu T1 mức án 05 (Năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; sửa phần án phí.

Bị cáo Trần Thị Thu T1 phải chịu án phí dân sự giá ngạch: 74.942.646 đồng x 5% = 3.747.000 đồng (Ba triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Bị cáo Trần Thị Thu T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bị hại Trương Thành C không phải chịu án phí dân sự giá ngạch và án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 210/2024/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh K không có kháng

cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra TP (1)
- VKS TP (1)
- Tòa án TP (1)
- Thi hành án hình sự TP (1)
- Chi cục thi hành án dân sự TP (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Đương sự (2)
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Hồng